TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41**/2018/HNGĐ - ST
Ngày 11/9/2018
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Nhất

2. Ông Nguyễn Ngọc Hậu

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2018/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị T, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: thôn 2b, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N.H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: anh Đinh Xuân L, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Y, xã L1, huyện N, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Đinh Xuân L xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 1 tháng thì tiến tới hôn nhân và có đăng

ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 17 tháng 11 năm 2016. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng được khoảng 4 tháng nhưng không liên quan gì đến tài sản, kinh tế với bố mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: chị T muốn vợ chồng vào Nam làm ăn, bố mẹ chồng lại muốn vợ chồng ở nhà làm ruộng nhưng sau đó vợ chồng vẫn vào miền Nam đi làm. Sau khi vào miền Nam anh L không chịu làm ăn mà ham chơi, không quan tâm đến chị. Chị đã khuyên bảo nhưng anh L vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Anh L lại bị áp lực sợ bố mẹ từ con nên đến ngày 01/7/2017 anh L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ còn một mình chị vẫn ở miền Nam. Chị và anh L chấm dứt quan hệ sinh lý và sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Hiện nay chị không có thai nghén. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh L.

- Về con: chị T và anh L không có con chung.

- Về tài sản và nợ chung: chị T và anh L không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2018 bị đơn anh Đinh Xuân L trình bày:

- Về hôn nhân: quá trình tìm hiểu đăng ký kết hôn anh L trình bày phù hợp với ý kiến của chị T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, được 4 tháng thì hai vợ chồng vào miền Nam làm ăn. Quá trình sống ở miền Nam do công việc và môi trường sống không hợp với anh nên anh đã trở về miền Bắc làm ăn. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Hiện nay chị T không có thai nghén. Chị T xin ly hôn nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị T nên xin được đoàn tụ.

- Về con chung: anh L và chị T không có con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: anh L và chị T không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý: đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu, cho chị T ly hôn anh L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự, chị T thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với anh L chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T được ly hôn anh Đinh Xuân L. Về tài sản: chị T, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Anh Đinh Xuân L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần 2 nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh L theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

Trợ giúp viên pháp lý bà Nguyễn Thị N.H có đơn xin xét xử vắng mặt và đã gửi Tòa án văn bản quan điểm nên Tòa án xét xử vắng mặt Trợ giúp viên pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Đinh Xuân L dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân nữa là mâu thuẫn giữa quan điểm của chị T với bố mẹ chồng về vấn đề việc làm, chị thì muốn vợ chồng đi xa làm ăn nhưng môi trường sống và cuộc sống không phù hợp với anh L và không phù hợp ý kiến bố mẹ chồng. Từ đó, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, không còn yêu thương nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2017. Anh L có nguyện vọng đoàn tụ nhưng anh không đến Tòa án để Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ, chứng tỏ anh không tha thiết níu giữ hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh L là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2]. Về con: xác nhận chị T và anh L không có con chung.

[2.3]. Về tài sản và nợ chung: chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

3. Về án phí: chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nhưng gia đình thuộc diện hộ nghèo nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị T được ly hôn anh Đinh Xuân L.

2. Về con: xác nhận chị T và anh L không có con chung.

3. Về án phí: chị Lê Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị T, vắng mặt anh L. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã T1;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ